



Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung

Xanh Ước Mơ

Lựa chọn Số Tiền Bảo Hiểm không
tự động gia tăng

Giải pháp tích lũy giáo dục 1 2 3

1 Giải Pháp | **2** Thế Hệ | **3** Bảo Vệ

Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung của
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam).
Nghiệp vụ bảo hiểm: Bảo hiểm liên kết đầu tư.

Đây là một sản phẩm bảo hiểm có yếu tố đầu tư mà không phải là sản phẩm đầu tư thuần túy, khách hàng vừa có quyền lợi bảo hiểm rủi ro, vừa có quyền lợi đầu tư

1 Giải Pháp

Cho con cuộc đời,
chờ che trọn đời

- Bảo vệ suốt đời trước các rủi ro trong cuộc sống
- Tích lũy an toàn, không âu lo với lãi suất cam kết trong suốt thời hạn hợp đồng

2 Thế hệ

Bắt đầu từ cha mẹ,
tương lai trọn cho con

- Tích lũy hiệu quả với lãi suất gia tăng trong 10 năm đầu tiên
- Thường duy trì hợp đồng tại cột mốc kỷ niệm năm thứ 10

3 Bảo Vệ

Nhân 3 bảo vệ theo
từng bước chân con

- Gia tăng 5% Số Tiền Bảo Hiểm ⁽¹⁾ khi có thành viên mới trong gia đình
- Linh hoạt chuyển đổi kế hoạch kế hoạch bảo hiểm theo nhu cầu
- Linh hoạt bổ sung thêm quyền lợi bảo vệ cả gia đình với các Sản Phẩm Đính Kèm đa dạng

① **Manulife không tăng phí bảo hiểm, không thẩm định sức khỏe đối với Quyền lợi gia tăng Số Tiền Bảo Hiểm.**

⁽¹⁾ Số Tiền Bảo Hiểm tại Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng, tăng tối đa 25% (tương ứng 5 thành viên mới)

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM

- Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)
- Điện thoại: (028) 5416 6888
- Website: www.manulife.com.vn
- Trụ sở chính: Manulife Plaza,
75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Mỹ, TP. HCM

- **Lĩnh vực kinh doanh:** Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, đầu tư tài chính và các lĩnh vực khác theo Giấy phép thành lập và hoạt động.
- **Giấy phép thành lập và hoạt động:** Số 13GP/KDBH, cấp lần đầu ngày 24/01/2005 (được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm)
- **Vốn điều lệ:** 22.220 tỷ đồng

DT\$NB-SUPPDOG

V01-UL049



THÔNG TIN ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

- Họ và tên đại lý: DUMMY 4 NON HOT LOCATION
- Mã số đại lý: D3170

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Tuổi	Nghề nghiệp	Loại nghề nghiệp
Bên Mua Bảo Hiểm (BMBH)	KHÁCH HÀNG	Nữ	01/01/1998	28	Hành chính - Nhân viên hành chính	1
Người Được Bảo Hiểm (NĐBH)	KHÁCH HÀNG	Nữ	01/01/1998	28	Hành chính - Nhân viên hành chính	1

Bản dự thảo

THÔNG TIN CHUNG CỦA (CÁC) SẢN PHẨM BẢO HIỂM

THÔNG TIN CHUNG CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHÍNH

Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính	Người Được Bảo Hiểm	Tuổi	Thời Hạn Đóng Phí dự kiến (năm)	Thời Hạn Hợp Đồng (năm)	Mức thẩm định ⁽¹⁾	Số Tiền Bảo Hiểm (VNĐ)	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản theo định kỳ Năm (VNĐ)
Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung Xanh Ước Mơ - Lựa chọn Số Tiền Bảo Hiểm không tự động gia tăng - Kế Hoạch Bảo Hiểm Cơ Bản	KHÁCH HÀNG	28	20	71	Chuẩn	1.100.000.000	20.000.000

- Thời Hạn Đóng Phí bắt buộc: 03 Năm Hợp Đồng đầu tiên
- Thời hạn đóng phí tối đa: 71 năm

Lưu ý:

- Trong Thời Hạn Đóng Phí bắt buộc (03 Năm Hợp Đồng đầu tiên), Hợp Đồng sẽ mất hiệu lực nếu Phí Bảo Hiểm Cơ Bản theo định kỳ không được đóng đầy đủ và đúng hạn.
- Từ Năm Hợp Đồng thứ 04 trở đi:
 - BMBH có thể đóng phí theo Thời Hạn Đóng Phí dự kiến đã chọn hoặc đóng phí linh hoạt vào bất kỳ lúc nào trong Năm Hợp Đồng. Tuy nhiên, BMBH nên đóng phí như dự kiến để có thể đạt được các mục tiêu tài chính đã xác định.
 - Hợp Đồng sẽ mất hiệu lực nếu GTTK Hợp Đồng (sau khi trừ Nợ, nếu có) không đủ để khấu trừ (các) Khoản Khấu Trừ Hàng Tháng.

TỔNG PHÍ BẢO HIỂM CỦA (CÁC) SẢN PHẨM BẢO HIỂM THEO ĐỊNH KỲ (VNĐ)

	Năm	Nửa Năm	Quý
Phí Bảo Hiểm Cơ Bản của Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính (a)	20.000.000	10.400.000	5.200.000
Tổng phí bảo hiểm của (các) Sản Phẩm Bảo Hiểm Đính Kèm (b)	0	0	0
Phí bảo hiểm định kỳ (c) = (a) + (b)	20.000.000	10.400.000	5.200.000
Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm dự kiến của Năm Hợp Đồng đầu tiên (d)	0	0	0
Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ trong Năm Hợp Đồng đầu tiên (e) = (c) + (d)	20.000.000	10.400.000	5.200.000
Định kỳ đóng phí dự kiến: Năm			

Lưu ý dành cho phần THÔNG TIN CHUNG CỦA (CÁC) SẢN PHẨM BẢO HIỂM:

(1) Mức thẩm định:

- Khi thông tin thể hiện là “Chuẩn”: NĐBH có tình trạng sức khỏe, nghề nghiệp ở mức chuẩn theo quy định của Manulife.
 - Khi thông tin **không** thể hiện là “Chuẩn”: NĐBH có tình trạng sức khỏe, nghề nghiệp ở mức dưới chuẩn theo quy định của Manulife. Vui lòng xem chi tiết trong Thư Thỏa Thuận (V.v: Các điều kiện bảo hiểm).
- Tùy thuộc vào tình trạng sức khỏe, nghề nghiệp của NĐBH tại từng thời điểm, mức thẩm định và Phí Rủi Ro có thể được điều chỉnh theo quy định của Manulife.

THÔNG TIN TRA CỨU VỀ (CÁC) SẢN PHẨM BẢO HIỂM

1	Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung Xanh Ước Mơ có tên kỹ thuật là “Sản phẩm bảo hiểm Liên kết chung - Đóng phí định kỳ (Phiên Bản 3)”
---	---

Khách hàng có thể tham khảo Quy tắc, Điều kiện và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm tại: <https://www.manulife.com.vn/vi/san-pham-bao-hiem.html>

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG XANH ƯỚC MƠ

1. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	
Quyền lợi bảo hiểm tử vong	- Manulife sẽ chi trả quyền lợi bảo hiểm theo Kế Hoạch Bảo Hiểm Cơ Bản: Số tiền lớn hơn giữa Giá Trị Tài Khoản (GTTK) Cơ Bản và Số Tiền Bảo Hiểm; cộng GTTK Đóng Thêm. Quyền lợi chu toàn hậu sự: Sau khi nhận được yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm tử vong, Manulife sẽ ứng trước 30.000.000 đồng. - Hợp Đồng sẽ chấm dứt hiệu lực ngay tại ngày NĐBH tử vong.
Quyền lợi bảo hiểm Thương Tật Toàn Bộ Vĩnh Viễn (TTTBVV)	- Manulife sẽ chi trả quyền lợi bảo hiểm theo Kế Hoạch Bảo Hiểm Cơ Bản: Số tiền lớn hơn giữa GTTK Cơ Bản và Số Tiền Bảo Hiểm; cộng GTTK Đóng Thêm khi NĐBH bị: TTTBVV do mất bộ phận/ chức năng cơ thể; hoặc TTTBVV do tổn thương cơ thể không do bệnh ung thư tuyến giáp; hoặc TTTBVV do tổn thương cơ thể do bệnh ung thư tuyến giáp thuộc giai đoạn IV hoặc có di căn xa. Hợp Đồng sẽ chấm dứt hiệu lực tại ngày NĐBH được chứng nhận bị TTTBVV. - Manulife sẽ chi trả 10% Số Tiền Bảo Hiểm, tối đa 200 triệu đồng khi NĐBH bị TTTBVV do tổn thương cơ thể do bệnh ung thư tuyến giáp không thuộc giai đoạn IV và không di căn xa. Hợp Đồng tiếp tục có hiệu lực. - Quyền lợi bảo hiểm TTTBVV chấm dứt khi NĐBH đạt 75 Tuổi.

Lưu ý đối với quyền lợi bảo hiểm:

- Điều kiện nhận quyền lợi bảo hiểm rủi ro: Sự kiện bảo hiểm xảy ra sau thời gian chờ (nếu có) và không thuộc bất kỳ trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm nào.
- Trường hợp NĐBH bị TTTBVV hoặc tử vong trước khi đạt 04 Tuổi, Manulife sẽ chi trả quyền lợi bảo hiểm với Số Tiền Bảo Hiểm được điều chỉnh theo tỷ lệ dưới đây:

Tuổi	Dưới 01 Tuổi	01 Tuổi	02 Tuổi	03 Tuổi
Số Tiền Bảo Hiểm sau khi điều chỉnh	Bằng 20% của Số Tiền Bảo Hiểm sau khi gia tăng (nếu có)	Bằng 40% của Số Tiền Bảo Hiểm sau khi gia tăng (nếu có)	Bằng 60% của Số Tiền Bảo Hiểm sau khi gia tăng (nếu có)	Bằng 80% của Số Tiền Bảo Hiểm sau khi gia tăng (nếu có)

- Vui lòng tham khảo Quy tắc, Điều kiện và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm để biết chi tiết về cách thức xác định quyền lợi bảo hiểm.

2. QUYỀN LỢI GIA TĂNG SỐ TIỀN BẢO HIỂM

Quyền lợi gia tăng Số Tiền Bảo Hiểm khi có thành viên mới trong gia đình

- Quyền lợi gia tăng Số Tiền Bảo Hiểm khi có thành viên mới trong gia đình là 5,0% Số Tiền Bảo Hiểm tại Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng trên mỗi thành viên. Tổng tỷ lệ gia tăng Số Tiền Bảo Hiểm đối với quyền lợi này tối đa là 25% Số Tiền Bảo Hiểm tại Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng (tương ứng với tối đa 05 thành viên).
- Số Tiền Bảo Hiểm tăng thêm theo quyền lợi này không làm thay đổi Phí Bảo Hiểm Cơ Bản.
- Các quyền lợi bảo hiểm và Phí Rủi Ro sẽ được xác định tương ứng với Số Tiền Bảo Hiểm sau khi gia tăng tại từng thời điểm.

Điều kiện yêu cầu gia tăng Số Tiền Bảo Hiểm khi có thành viên mới trong gia đình:

- Yêu cầu gia tăng Số Tiền Bảo Hiểm và các chứng từ hợp lệ liên quan được gửi đến Manulife trong vòng 06 tháng kể từ ngày kết hôn, sinh con hoặc nhận con nuôi.
- Tại ngày yêu cầu gia tăng Số Tiền Bảo Hiểm:
 - Người Được Bảo Hiểm chưa đạt 70 Tuổi; và
 - Người Được Bảo Hiểm còn sống và có Sức Khỏe Tiêu Chuẩn.

3. QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ

Quyền lợi hưởng lãi suất đầu tư

- Định kỳ hàng tháng, Manulife sẽ chi trả Lãi Suất Đầu Tư vào Tài Khoản Hợp Đồng (gồm Tài Khoản Cơ Bản và Tài Khoản Đóng Thêm). Lãi Suất Đầu Tư là giá trị lớn hơn giữa:
 - Mức lãi suất được công bố hàng tháng trên cổng thông tin điện tử của Manulife ('Lãi Suất Công Bố'); và
 - Lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu theo bảng dưới đây:

Năm Hợp Đồng	01	02	03 - 04	05 - 06	07 - 08	09 - 10	11 - hết Thời Hạn Hợp Đồng
Lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu (quy năm)	3,5 %	3,0 %	2,5 %	2,0 %	1,5 %	1,0 %	0,5 %

Quyền lợi hưởng lãi suất gia tăng

- Trong 10 Năm Hợp Đồng đầu tiên, Manulife sẽ chi trả quyền lợi hưởng lãi suất gia tăng với mức lãi suất gia tăng quy năm là 1,0%.
- Quyền lợi hưởng lãi suất gia tăng được chi trả vào Tài Khoản Cơ Bản theo định kỳ hàng tháng.

4. QUYỀN LỢI THƯỜNG DUY TRÌ HỢP ĐỒNG

Quyền lợi thường duy trì Hợp Đồng	Vào cuối Năm Hợp Đồng thứ 10, Manulife sẽ chi trả quyền lợi thường duy trì hợp đồng bằng 50% Phí Bảo Hiểm Cơ Bản Quy Năm của Năm Hợp Đồng đầu tiên vào Tài Khoản Đóng Thêm.
Điều kiện chi trả quyền lợi thường duy trì Hợp Đồng	Manulife sẽ chi trả quyền lợi thường duy trì hợp đồng nếu trong 10 Năm Hợp Đồng đầu tiên, Hợp Đồng thỏa tất cả các điều kiện sau: - Hợp Đồng chưa từng bị mất hiệu lực; - Không có giao dịch rút GTTK Cơ Bản (<i>trừ trường hợp rút GTTK để đóng Phí Bảo Hiểm Cơ Bản theo yêu cầu của BMBH trong 3 Năm Hợp Đồng đầu tiên</i>); - Phí Bảo Hiểm Cơ Bản được đóng đầy đủ trong vòng 60 ngày kể từ Ngày Đến Hạn Đóng Phí; - Không có giao dịch làm giảm Số Tiền Bảo Hiểm thấp hơn so với Số Tiền Bảo Hiểm tại Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng; - Không có giao dịch làm giảm Phí Bảo Hiểm Cơ Bản Quy Năm thấp hơn so với Phí Bảo Hiểm Cơ Bản Quy Năm tại Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng.

5. QUYỀN LỢI ĐÁO HẠN

Vào Ngày Đáo Hạn Hợp Đồng, Manulife sẽ chi trả toàn bộ GTTK Hợp Đồng (là tổng của GTTK Cơ Bản và GTTK Đóng Thêm) sau khi trừ đi Nợ (nếu có).

6. CÁC YẾU TỐ LÀM ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG

GTTK Hợp Đồng (là tổng của GTTK Cơ Bản và GTTK Đóng Thêm) sẽ tăng hoặc giảm hàng tháng theo các trường hợp sau:

Tăng		Giảm	
GTTK Cơ Bản	Tăng sau khi Phí Bảo Hiểm Cơ Bản được phân bổ vào Tài Khoản Cơ Bản (nếu có); Tăng sau khi được cộng quyền lợi hưởng lãi suất đầu tư; Tăng sau khi được cộng quyền lợi hưởng lãi suất gia tăng.	Giảm sau khi trừ Khoản Khấu Trừ Hàng Tháng; Giảm sau khi trừ khoản rút từ GTTK Cơ Bản.	
GTTK Đóng Thêm	Tăng sau khi Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm được phân bổ vào Tài Khoản Đóng Thêm (nếu có); Tăng sau khi được cộng quyền lợi hưởng lãi suất đầu tư; Tăng sau khi được cộng quyền lợi thường duy trì hợp đồng (nếu có).	Giảm sau khi trừ Khoản Khấu Trừ Hàng Tháng (nếu GTTK Cơ Bản không đủ để chi trả khoản tiền này); Giảm sau khi được trừ khoản rút từ GTTK Đóng Thêm.	

MINH HẠ HỢP ĐỒNG TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ BẢO HIỂM TRONG 20 NĂM

Minh họa về các khoản phí tính cho BMBH

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

Năm HĐ/ Tuổi của NĐBH	Phí Bảo Hiểm (Phí BH) hàng năm				Tổng Phí BH cộng dồn đến Năm HĐ	Phí Ban Đầu hàng năm			Phí BH đem đi đầu tư hàng năm			Phí Quản Lý Hợp Đồng (11)	Phí Rủi Ro hàng năm	
	Phí BH Cơ Bản (1)	Phí BH Đóng Thêm (2)	Phí BH Sản Phẩm Đỉnh Kèm (3)	Tổng Phí BH (4)=(1)+(2)+ (3)		Phí BH Cơ Bản (5)	Phí BH Đóng Thêm (6)	Tổng Phí Ban Đầu (7)=(5)+(6)	Phí BH Cơ Bản sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu (8)=(1)-(5)	Phí BH Đóng Thêm sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu (9)=(2)-(6)	Tổng Phí BH đem đi đầu tư (10)=(8)+(9)		Tại mức lãi suất đầu tư cam kết (12)	Tại mức lãi suất đầu tư minh họa 4,0% (13)
1/29	20.000			20.000	20.000	10.000		10.000	10.000		10.000	574	1.112	1.112
2/30	20.000			20.000	40.000	6.000		6.000	14.000		14.000	598	1.142	1.142
3/31	20.000			20.000	60.000	4.000		4.000	16.000		16.000	622	1.169	1.168
4/32	20.000			20.000	80.000	4.000		4.000	16.000		16.000	646	1.193	1.192
5/33	20.000			20.000	100.000	4.000		4.000	16.000		16.000	670	1.216	1.213
6/34	20.000			20.000	120.000	400		400	19.600		19.600	694	1.243	1.238
7/35	20.000			20.000	140.000	400		400	19.600		19.600	718	1.277	1.269
8/36	20.000			20.000	160.000	400		400	19.600		19.600	742	1.319	1.305
9/37	20.000			20.000	180.000	400		400	19.600		19.600	766	1.386	1.365
10/38	20.000			20.000	200.000	400		400	19.600		19.600	790	1.458	1.427
11/39	20.000			20.000	220.000				20.000		20.000	814	1.544	1.499
12/40	20.000			20.000	240.000				20.000		20.000	833	1.655	1.591
13/41	20.000			20.000	260.000				20.000		20.000	840	1.760	1.672
14/42	20.000			20.000	280.000				20.000		20.000	840	1.876	1.758
15/43	20.000			20.000	300.000				20.000		20.000	840	1.986	1.831
16/44	20.000			20.000	320.000				20.000		20.000	840	2.088	1.891
17/45	20.000			20.000	340.000				20.000		20.000	840	2.193	1.943
18/46	20.000			20.000	360.000				20.000		20.000	840	2.290	1.980
19/47	20.000			20.000	380.000				20.000		20.000	840	2.388	2.006
20/48	20.000			20.000	400.000				20.000		20.000	840	2.485	2.020

Minh họa quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

Năm HĐ/ Tuổi của NĐBH	Phí BH (*) (1)	Phí BH đem đi đầu tư (2)	MỨC LÃI SUẤT ĐẦU TƯ CAM KẾT TỐI THIỂU								
			Phí Rủi Ro (3)	Phí Quản Lý Hợp Đồng (4)	Quyền lợi thưởng khác (**) (5)	Rút GTTK (6)	GTTK Cơ Bản (7)	GTTK Đóng Thêm (8)	GTTK Hợp Đồng (9)	Giá Trị Hoàn Lại (GTHL) (10)	Quyền lợi tử vong/ TTTBVV (***)
1/29	20.000	10.000	1.112	574	92		8.726		8.726		1.100.000
2/30	20.000	14.000	1.142	598	221		21.863		21.863	3.863	1.100.000
3/31	20.000	16.000	1.169	622	373		37.373		37.373	28.373	1.100.000
4/32	20.000	16.000	1.193	646	530		53.379		53.379	47.379	1.100.000
5/33	20.000	16.000	1.216	670	690		69.556		69.556	65.556	1.100.000
6/34	20.000	19.600	1.243	694	889		89.879		89.879	87.879	1.100.000
7/35	20.000	19.600	1.277	718	1.091		110.208		110.208	110.208	1.100.000
8/36	20.000	19.600	1.319	742	1.296		130.983		130.983	130.983	1.100.000
9/37	20.000	19.600	1.386	766	1.501		151.433		151.433	151.433	1.100.000
10/38	20.000	19.600	1.458	790	11.706		172.197	10.000	182.197	182.197	1.110.000
11/39	20.000	20.000	1.544	814			190.794	10.050	200.844	200.844	1.110.050
12/40	20.000	20.000	1.655	833			209.353	10.100	219.453	219.453	1.110.100
13/41	20.000	20.000	1.760	840			227.892	10.151	238.043	238.043	1.110.151
14/42	20.000	20.000	1.876	840			246.408	10.202	256.610	256.610	1.110.202
15/43	20.000	20.000	1.986	840			264.907	10.253	275.160	275.160	1.110.253
16/44	20.000	20.000	2.088	840			283.395	10.304	293.699	293.699	1.110.304
17/45	20.000	20.000	2.193	840			301.871	10.355	312.227	312.227	1.110.355
18/46	20.000	20.000	2.290	840			320.343	10.407	330.750	330.750	1.110.407
19/47	20.000	20.000	2.388	840			338.808	10.459	349.267	349.267	1.110.459
20/48	20.000	20.000	2.485	840			357.268	10.511	367.779	367.779	1.110.511

(*) Phí BH bao gồm Phí BH Cơ Bản và Phí BH Đóng Thêm.
(**) Quyền lợi thưởng khác bao gồm quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng và quyền lợi hưởng lãi suất gia tăng
(***) Quyền lợi TTTBVV sẽ kết thúc khi NĐBH đạt 75 Tuổi.

(1), (2), (3), (4), (5), (6): Giá trị (nếu có) được thể hiện cho mỗi Năm HĐ
(7), (8), (9): GTTK tích lũy tới cuối Năm HĐ
(10): GTHL được tính đến cuối Năm HĐ mà Hợp Đồng bị chấm dứt trước hạn

Minh họa quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất đầu tư minh họa 4,0% (không đảm bảo)

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

Năm HĐ/ Tuổi của NDBH	Phí BH (*) (1)	Phí BH đem đi đầu tư (2)	MỨC LÃI SUẤT ĐẦU TƯ MINH HỌA 4,0% (không đảm bảo)								
			Phí Rủi Ro (3)	Phí Quản Lý Hợp Đồng (4)	Quyền lợi thưởng khác (**) (5)	Rút GTTK (6)	GTTK Cơ Bản (7)	GTTK Đóng Thêm (8)	GTTK Hợp Đồng (9)	Giá Trị Hoàn Lại (GTHL) (10)	Quyền lợi tử vong/ TTTBVV (***)
1/29	20.000	10.000	1.112	574	93		8.772		8.772		1.100.000
2/30	20.000	14.000	1.142	598	222		22.132		22.132	4.132	1.100.000
3/31	20.000	16.000	1.168	622	378		38.214		38.214	29.214	1.100.000
4/32	20.000	16.000	1.192	646	542		55.057		55.057	49.057	1.100.000
5/33	20.000	16.000	1.213	670	713		72.701		72.701	68.701	1.100.000
6/34	20.000	19.600	1.238	694	929		94.966		94.966	92.966	1.100.000
7/35	20.000	19.600	1.269	718	1.156		118.295		118.295	118.295	1.100.000
8/36	20.000	19.600	1.305	742	1.393		142.738		142.738	142.738	1.100.000
9/37	20.000	19.600	1.365	766	1.641		168.325		168.325	168.325	1.100.000
10/38	20.000	19.600	1.427	790	11.901		195.113	10.000	205.113	205.113	1.110.000
11/39	20.000	20.000	1.499	814			221.355	10.400	231.755	231.755	1.110.400
12/40	20.000	20.000	1.591	833			248.532	10.816	259.348	259.348	1.110.816
13/41	20.000	20.000	1.672	840			276.707	11.249	287.956	287.956	1.111.249
14/42	20.000	20.000	1.758	840			305.922	11.699	317.620	317.620	1.111.699
15/43	20.000	20.000	1.831	840			336.230	12.166	348.396	348.396	1.112.166
16/44	20.000	20.000	1.891	840			367.689	12.653	380.342	380.342	1.112.653
17/45	20.000	20.000	1.943	840			400.353	13.159	413.513	413.513	1.113.159
18/46	20.000	20.000	1.980	840			434.287	13.686	447.972	447.972	1.113.686
19/47	20.000	20.000	2.006	840			469.551	14.233	483.784	483.784	1.114.233
20/48	20.000	20.000	2.020	840			506.211	14.802	521.014	521.014	1.114.802

(*) Phí BH bao gồm Phí BH Cơ Bản và Phí BH Đóng Thêm.
(**) Quyền lợi thưởng khác bao gồm quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng và quyền lợi hưởng lãi suất gia tăng
(***) Quyền lợi TTTBVV sẽ kết thúc khi NDBH đạt 75 Tuổi.

(1), (2), (3), (4), (5), (6): Giá trị (nếu có) được thể hiện cho mỗi Năm HĐ
(7), (8), (9): GTTK tích lũy tới cuối Năm HĐ
(10): GTHL được tính đến cuối Năm HĐ mà Hợp Đồng bị chấm dứt trước hạn

MINH HẠ HỢP ĐỒNG TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC (03 NĂM HỢP ĐỒNG ĐẦU TIÊN)

Minh họa về các khoản phí tính cho BMBH

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

Năm HĐ/ Tuổi của NĐBH	Phí Bảo Hiểm (Phí BH) hàng năm				Tổng Phí BH cộng dồn đến Năm HĐ	Phí Ban Đầu hàng năm			Phí BH đem đi đầu tư hàng năm			Phí Quản Lý Hợp Đồng (11)	Phí Rủi Ro hàng năm	
	Phí BH Cơ Bản (1)	Phí BH Đóng Thêm (2)	Phí BH Sản Phẩm Đỉnh Kèm (3)	Tổng Phí BH (4)=(1)+(2)+ (3)		Phí BH Cơ Bản (5)	Phí BH Đóng Thêm (6)	Tổng Phí Ban Đầu (7)=(5)+(6)	Phí BH Cơ Bản sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu (8)=(1)-(5)	Phí BH Đóng Thêm sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu (9)=(2)-(6)	Tổng Phí BH đem đi đầu tư (10)=(8)+(9)		Tại mức lãi suất đầu tư cam kết (12)	Tại mức lãi suất đầu tư minh họa 4,0% (13)
1/29	20.000			20.000	20.000	10.000		10.000	10.000		10.000	574	1.112	1.112
2/30	20.000			20.000	40.000	6.000		6.000	14.000		14.000	598	1.142	1.142
3/31	20.000			20.000	60.000	4.000		4.000	16.000		16.000	622	1.169	1.168
4/32					60.000							646	1.212	1.210
5/33					60.000							670	1.255	1.253
6/34					60.000							694	1.309	1.306
7/35					60.000							718	1.375	1.370
8/36					60.000							742	1.451	1.445
9/37					60.000							766	1.560	1.552
10/38					60.000							790	1.680	1.669
11/39					60.000							814	1.823	1.809
12/40					60.000							833	1.999	1.982
13/41					60.000							840	2.177	2.156
14/42					60.000							840	2.378	2.352
15/43					60.000							840	2.580	2.549
16/44					60.000							840	2.784	2.748
17/45					60.000							840	3.000	2.960
18/46					60.000							840	3.219	3.173
19/47					60.000							840	2.278	3.399
20/48					60.000							840		3.639

Minh họa quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

Năm HĐ/ Tuổi của NDBH	Phí BH (*) (1)	Phí BH đem đi đầu tư (2)	MỨC LÃI SUẤT ĐẦU TƯ CAM KẾT TỐI THIỂU								
			Phí Rủi Ro (3)	Phí Quản Lý Hợp Đồng (4)	Quyền lợi thưởng khác (**) (5)	Rút GTTK (6)	GTTK Cơ Bản (7)	GTTK Đóng Thêm (8)	GTTK Hợp Đồng (9)	Giá Trị Hoàn Lại (GTHL) (10)	Quyền lợi tử vong/ TTTBVV (***)
1/29	20.000	10.000	1.112	574	92		8.726		8.726		1.100.000
2/30	20.000	14.000	1.142	598	221		21.863		21.863	3.863	1.100.000
3/31	20.000	16.000	1.169	622	373		37.373		37.373	28.373	1.100.000
4/32			1.212	646	368		36.796		36.796	30.796	1.100.000
5/33			1.255	670	361		35.951		35.951	31.951	1.100.000
6/34			1.309	694	352		35.000		35.000	33.000	1.100.000
7/35			1.375	718	341		33.759		33.759	33.759	1.100.000
8/36			1.451	742	328		32.385		32.385	32.385	1.100.000
9/37			1.560	766	313		30.684		30.684	30.684	1.100.000
10/38			1.680	790	295		28.804		28.804	28.804	1.100.000
11/39			1.823	814			26.304		26.304	26.304	1.100.000
12/40			1.999	833			23.595		23.595	23.595	1.100.000
13/41			2.177	840			20.688		20.688	20.688	1.100.000
14/42			2.378	840			17.565		17.565	17.565	1.100.000
15/43			2.580	840			14.224		14.224	14.224	1.100.000
16/44			2.784	840			10.662		10.662	10.662	1.100.000
17/45			3.000	840			6.864		6.864	6.864	1.100.000
18/46			3.219	840			2.828		2.828	2.828	1.100.000
19/47			2.278	555			Mất hiệu lực	Mất hiệu lực	Mất hiệu lực		
20/48											

(*) Phí BH bao gồm Phí BH Cơ Bản
(**) Quyền lợi thưởng khác bao gồm quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng và quyền lợi hưởng lãi suất gia tăng
(***) Quyền lợi TTTBVV sẽ kết thúc khi NDBH đạt 75 Tuổi.

(1), (2), (3), (4), (5), (6): Giá trị (nếu có) được thể hiện cho mỗi Năm HĐ
(7), (8), (9): GTTK tích lũy tới cuối Năm HĐ
(10): GTHL được tính đến cuối Năm HĐ mà Hợp Đồng bị chấm dứt trước hạn

Lưu ý: Số liệu minh họa không bao gồm Phí BH Đóng Thêm, giá trị Rút GTTK và chỉ mang tính tham khảo, khách hàng nên đóng phí như thời hạn dự kiến để đạt được các mục tiêu tài chính đã xác định.

Minh họa quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất đầu tư minh họa 4,0% (không đảm bảo)

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

Năm HĐ/ Tuổi của NĐBH	Phí BH (*) (1)	Phí BH đem đi đầu tư (2)	MỨC LÃI SUẤT ĐẦU TƯ MINH HỌA 4,0% (không đảm bảo)								
			Phí Rủi Ro (3)	Phí Quản Lý Hợp Đồng (4)	Quyền lợi thưởng khác (**) (5)	Rút GTTK (6)	GTTK Cơ Bản (7)	GTTK Đóng Thêm (8)	GTTK Hợp Đồng (9)	Giá Trị Hoàn Lại (GTHL) (10)	Quyền lợi tử vong/ TTTBVV (***)
1/29	20.000	10.000	1.112	574	93		8.772		8.772		1.100.000
2/30	20.000	14.000	1.142	598	222		22.132		22.132	4.132	1.100.000
3/31	20.000	16.000	1.168	622	378		38.214		38.214	29.214	1.100.000
4/32			1.210	646	379		38.232		38.232	32.232	1.100.000
5/33			1.253	670	379		38.182		38.182	34.182	1.100.000
6/34			1.306	694	378		38.051		38.051	36.051	1.100.000
7/35			1.370	718	376		37.823		37.823	37.823	1.100.000
8/36			1.445	742	373		37.483		37.483	37.483	1.100.000
9/37			1.552	766	369		36.990		36.990	36.990	1.100.000
10/38			1.669	790	363		36.327		36.327	36.327	1.100.000
11/39			1.809	814			35.101		35.101	35.101	1.100.000
12/40			1.982	833			33.629		33.629	33.629	1.100.000
13/41			2.156	840			31.914		31.914	31.914	1.100.000
14/42			2.352	840			29.930		29.930	29.930	1.100.000
15/43			2.549	840			27.665		27.665	27.665	1.100.000
16/44			2.748	840			25.106		25.106	25.106	1.100.000
17/45			2.960	840			22.229		22.229	22.229	1.100.000
18/46			3.173	840			19.019		19.019	19.019	1.100.000
19/47			3.399	840			15.449		15.449	15.449	1.100.000
20/48			3.639	840			11.492		11.492	11.492	1.100.000

(*) Phí BH bao gồm Phí BH Cơ Bản
(**) Quyền lợi thưởng khác bao gồm quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng và quyền lợi hưởng lãi suất gia tăng
(***) Quyền lợi TTTBVV sẽ kết thúc khi NĐBH đạt 75 Tuổi.

(1), (2), (3), (4), (5), (6): Giá trị (nếu có) được thể hiện cho mỗi Năm HĐ
(7), (8), (9): GTTK tích lũy tới cuối Năm HĐ
(10): GTHL được tính đến cuối Năm HĐ mà Hợp Đồng bị chấm dứt trước hạn

Lưu ý: Số liệu minh họa không bao gồm Phí BH Đóng Thêm, giá trị Rút GTTK và chỉ mang tính tham khảo, khách hàng nên đóng phí như thời hạn dự kiến để đạt được các mục tiêu tài chính đã xác định.

GHI CHÚ:

1. Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng này dựa trên giả định:
 - i. GTTK Hợp Đồng được minh họa theo phí bảo hiểm theo định kỳ Năm và và được tích lũy đến cuối Năm Hợp Đồng liên quan. GTTK Hợp Đồng có thể thay đổi theo phí bảo hiểm thực đóng và định kỳ đóng phí thực tế.
 - ii. NĐBH có sức khỏe ở mức thẩm định như được nêu tại mục **Thông Tin Chung Của (Các) Sản Phẩm Bảo Hiểm**
 - iii. Hợp Đồng thỏa tất cả các điều kiện để nhận quyền lợi thưởng duy trì Hợp Đồng.
2. Mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu và mức lãi suất đầu tư minh họa trên đây đã được khấu trừ % Phí Quản Lý Quỹ.
3. Mức lãi suất đầu tư minh họa chỉ mang tính tham khảo, có thể tăng hoặc giảm tùy thuộc vào kết quả đầu tư của Quỹ Liên Kết Chung và mức lãi suất đầu tư này là không đảm bảo. Tuy nhiên mức Lãi Suất Đầu Tư sẽ được đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.
4. Giá Trị Hoàn Lại được xác định bằng Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng tại ngày Hợp Đồng bị chấm dứt trước hạn, trừ đi (i) Phí Chấm Dứt Hợp Đồng Trước Hạn và (ii) Nợ (nếu có).

THÔNG TIN VỀ QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

Quỹ Liên Kết Chung là (“Quỹ”) được hình thành từ việc phân bổ Phí Bảo Hiểm Cơ Bản và Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm, được tạo ra từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung do Công Ty phát hành.

1. Chính sách và mục tiêu đầu tư của Quỹ: Quỹ có chính sách đầu tư trung và dài hạn, tập trung tìm kiếm sự cân bằng tối ưu giữa tăng lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro với mục tiêu tạo được lợi nhuận đầu tư ổn định và sinh lời với khả năng thanh khoản cao cho khách hàng.

2. Cơ cấu đầu tư tài sản của Quỹ: Cơ cấu đầu tư tài sản của Quỹ tập trung chủ yếu vào trái phiếu Chính phủ, trái phiếu đô thị, trái phiếu doanh nghiệp, các công cụ của thị trường tiền tệ và các kênh đầu tư khác. Tỷ lệ phân bổ tài sản cụ thể được công bố hằng năm trong Báo Cáo Thường Niên – Quỹ Liên Kết Chung, đăng tải trên Website: www.manulife.com.vn

3. Đơn vị nhận ủy thác Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam).

4. Lãi Suất Công Bố 05 năm vừa qua của Quỹ Liên Kết Chung:

Năm	2021	2022	2023	2024	2025
Lãi Suất Công Bố	4,0% - 5,0%	3,3% - 4,5%	3,5% - 4,2%	3,5% - 4,5%	4,0% - 4,5%

Vui lòng xem chi tiết tại chương Thông Tin Về Quỹ Liên Kết Chung trong Quy tắc, Điều kiện và Điều khoản của Sản Phẩm Bảo Hiểm.

THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO BÊN MUA BẢO HIỂM

1. Phí Ban Đầu	Là khoản phí mà Manulife khấu trừ từ Phí Bảo Hiểm Cơ Bản và Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm trước khi phân bổ vào Tài Khoản Cơ Bản và Tài Khoản Đóng Thêm của Hợp Đồng. Phí Ban Đầu được khấu trừ theo tỷ lệ % của Phí Bảo Hiểm Cơ Bản, Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm như sau:											
	Năm Hợp Đồng		1	2	3	4	5	6-10		11+		
	% Phí Bảo Hiểm Cơ Bản		50%	30%	20%	20%	20%	2%		0%		
	% Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm		1,5 %									0%
2. Phí Rủi Ro	Là khoản phí dùng để đảm bảo chi trả các quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo Hợp Đồng. Phí Rủi Ro được tính và thay đổi theo Tuổi, giới tính, nghề nghiệp, tình trạng sức khỏe của Người Được Bảo Hiểm và Số Tiền Bảo Hiểm tại thời điểm khấu trừ. Phí Rủi Ro được khấu trừ vào mỗi Ngày Kỳ Niệm Hàng Tháng. Phí Rủi Ro sẽ được ưu tiên khấu trừ từ Tài Khoản Cơ Bản, sau đó đến Tài Khoản Đóng Thêm.											
3. Phí Quản Lý Hợp Đồng	Phí Quản Lý Hợp Đồng là khoản phí dùng để chi trả cho việc quản lý, duy trì Hợp Đồng và cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp Đồng cho BMBH. Trong năm 2025, Phí Quản Lý Hợp Đồng là 45.000 đồng/ Hợp Đồng/ tháng và sẽ tự động tăng 2.000 đồng mỗi năm dương lịch sau đó. Tuy nhiên, mức Phí Quản Lý Hợp Đồng tối đa là 70.000 đồng/ Hợp Đồng/ tháng. Đơn vị tính: 1.000 VNĐ											
	Năm	2025	2026	2027	2028	2029	...	2034	2035	2036	2037	2038+
	Phí Quản Lý Hợp Đồng/ tháng	45	47	49	51	53	...	63	65	67	69	70
4. Phí Quản Lý Quỹ	Là khoản phí được dùng để chi trả cho các hoạt động đầu tư, định giá tài sản, giám sát và quản lý Quỹ. Phí Quản Lý Quỹ được tính bằng tỷ lệ % giá trị tài sản ròng của Quỹ và được khấu trừ trước khi xác định kết quả đầu tư của Quỹ. Phí Quản Lý Quỹ tối đa là 2%/ năm.											
5. Phí Chấm Dứt Hợp Đồng Trước Hạn	Là khoản phí phát sinh khi Hợp Đồng bị chấm dứt trước thời hạn, được tính theo % của Phí Bảo Hiểm Cơ Bản quy năm tại Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng và tùy thuộc vào Năm Hợp Đồng theo quy định tại bảng sau:											
	Năm Hợp Đồng		1	2	3	4	5	6	7+			
	% Phí Bảo Hiểm Cơ Bản quy năm tại Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng		90%	90%	45%	30%	20%	10%	0%			

Lưu ý: Trường hợp Manulife áp dụng mức Phí Quản Lý Hợp Đồng, Phí Quản Lý Quỹ cao hơn mức tối đa nêu trên (sau khi được sự chấp thuận của Bộ Tài chính), Manulife sẽ thông báo cho BMBH 03 tháng trước khi áp dụng mức phí mới.

ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM CỦA (CÁC) SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Manulife sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu sự kiện bảo hiểm xảy ra trong bất kỳ trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm nào được quy định tại Quy tắc, Điều kiện và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm. Vui lòng tham khảo chi tiết tại Chương “Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm” của Quy tắc, Điều kiện và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm hoặc truy cập website <https://www.manulife.com.vn/> - mục **Sản phẩm** để biết thêm chi tiết

CÁC THÔNG TIN KHÁC

- Số điện thoại đường dây nóng dịch vụ khách hàng: 1900 1776
- Địa chỉ email của Bộ phận dịch vụ khách hàng: khachhang@manulife.com
- Thông tin về địa chỉ Văn phòng/Trung tâm dịch vụ khách hàng: <https://www.manulife.com.vn/vi/lien-he.html>
- Khách hàng có thể truy cập công cụ tính toán để tự xây dựng kế hoạch bảo hiểm tại: <https://shop.manulife.com.vn/ext/vn-ecm-web/dang-ky>
- Khách hàng có thể tìm kiếm thông tin/báo cáo về hoạt động của quỹ tại: <https://www.manulife.com.vn/vi/ve-chung-toi/bao-cao-tai-chinh.html>

LƯU Ý KHI THAM GIA SẢN PHẨM

- Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng này chỉ có giá trị minh họa, vui lòng tham khảo chi tiết về quyền lợi bảo hiểm và điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm trong Quy tắc, Điều kiện và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm.
- BBH, NDBH cần tuân thủ các quy định trong Quy tắc, Điều kiện và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm để đảm bảo quyền và lợi ích khi tham gia bảo hiểm, đặc biệt là:
 - Trách nhiệm kê khai đầy đủ, chính xác và trung thực tất cả các thông tin cần thiết để Manulife xem xét chấp thuận bảo hiểm cho Hợp Đồng này.
 - Trách nhiệm đảm bảo khả năng tài chính để hoàn thành nghĩa vụ đóng phí.
- Hợp Đồng là một cam kết dài hạn. Việc chấm dứt Hợp Đồng trước thời hạn có thể ảnh hưởng đến kế hoạch tài chính trong tương lai của BBH. Giá Trị Hoàn Lại của Hợp Đồng khi chấm dứt trước thời hạn có thể thấp hơn tổng phí bảo hiểm đã đóng.

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM VÀ ĐẠI LÝ TƯ VẤN SẢN PHẨM BẢO HIỂM

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI LÝ TƯ VẤN SẢN PHẨM BẢO HIỂM	XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM
Tôi, người ký tên dưới đây xác nhận đã hoàn thiện Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng này theo thông tin do BMBH cung cấp và đã giải thích trung thực, tư vấn đầy đủ cho BMBH, NĐBH về nội dung chi tiết của: • Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng; và • Quyền lợi bảo hiểm, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của (các) sản phẩm bảo hiểm; và • Quyền và nghĩa vụ của BMBH, NĐBH khi giao kết Hợp Đồng.	1. Tôi/ Chúng tôi xác nhận đã được đại lý giải thích rõ ràng, tư vấn đầy đủ toàn bộ nội dung tại Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng này; quyền lợi bảo hiểm; điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của (các) sản phẩm bảo hiểm; quyền và nghĩa vụ của tôi/ chúng tôi khi giao kết Hợp Đồng. Tôi/ Chúng tôi cũng đã đọc và hiểu rõ toàn bộ nội dung trong Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng này. 2. Tôi/ Chúng tôi cam kết đã cung cấp, kê khai một cách trung thực các thông tin trên Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng này và các tài liệu, biểu mẫu liên quan khác cho Manulife nhằm mục đích cấp và giao kết Hợp Đồng, và chịu mọi trách nhiệm liên quan nếu khai báo không trung thực. 3. Tôi/ Chúng tôi hiểu rằng Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng này chỉ có hiệu lực nếu được nộp vào Manulife để cấp Hợp Đồng vào hoặc trước ngày 15/07/2026 và được đính kèm với Bảng câu hỏi đánh giá khả năng tài chính của BMBH. 4. Tôi/ Chúng tôi hiểu rằng đây là một sản phẩm bảo hiểm có yếu tố đầu tư, cho phép khách hàng như tôi/ chúng tôi vừa có quyền lợi bảo hiểm rủi ro vừa có quyền lợi đầu tư, mà không phải là sản phẩm đầu tư thuần túy.
Ngày: _____ Chữ ký: _____ DUMMY 4 NON HOT LOCATION, D3170, HCM04	Ngày: _____ Chữ ký: _____ KHÁCH HÀNG